

Về tư tưởng triết học CỦA NGUYỄN TRÃI

DOÃN CHÍNH(*)

Trước khi đi sâu vào phân tích những tư tưởng triết học cơ bản và đặc sắc của Nguyễn Trãi - nhà chính trị, nhà quân sự tài năng, nhà văn hóa, tư tưởng kiệt xuất của dân tộc Việt Nam ở cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV, bài viết chỉ ra những tiền đề lý luận của những tư tưởng ấy. Tiếp theo, bài viết khảo sát tư tưởng triết học của Nguyễn Trãi ở ba lát cắt: 1/ Quan điểm của Nguyễn Trãi về thiên mệnh, về trời đất và con người; 2/ Tư tưởng của Nguyễn Trãi về nhân nghĩa, đặc biệt là tư tưởng về dân và vai trò của dân; 3/ Quan niệm của Nguyễn Trãi về thời. Cuối cùng, bài viết nhấn mạnh rằng, ẩn chứa đằng sau hệ thống các quan điểm đó của Nguyễn Trãi chính là "chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam" đã "được phát triển đến đỉnh cao".

Trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã sản sinh ra biết bao anh hùng, nhà tư tưởng xuất sắc, lãnh tụ vĩ đại làm rạng danh đất nước. Trong số những anh hùng, nhà tư tưởng ấy, ở thế kỷ XV, Nguyễn Trãi (1380-1442) nổi lên như một ngôi sao sáng. Ông không chỉ là một nhà chính trị, nhà quân sự tài năng, mà còn là một nhà tư tưởng kiệt xuất. Nói về Nguyễn Trãi, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: "Nguyễn Trãi, người anh hùng dân tộc, văn võ song toàn, văn là chính trị, chính trị cứu nước cứu dân, nội trị, ngoại giao, "mở nền thái bình muôn thuở, rửa nỗi thẹn ngàn thu" (*Bình Ngô đại cáo*), võ là quân sự: chiến lược và chiến thuật, "yếu đánh mạnh, ít địch nhiều,... thắng hung tàn bằng đại nghĩa" (*Bình Ngô đại cáo*); văn và võ đều là vũ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao"(1). Tư tưởng của

ông thể hiện rõ nét trong nhiều tác phẩm để lại cho đời sau, như *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo*, *Ức Trai thi tập*, *Quốc âm thi tập*, *Dư địa chí*, *Lam Sơn thực lục*, *Ngọc đường di cáo*, *Luật thư*, *Giao tự đại lễ*, *Thạch khách hồ*, *Phủ núi Chí Linh*, *Chuyện cũ về Bể Hồ tiên sinh* và một số bài chiếu, biểu mà ông đã thay vua Lê Thái Tổ viết.

Tư tưởng triết học của Nguyễn Trãi là một bộ phận cấu thành, đánh dấu một giai đoạn phát triển quan trọng trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Nó thể hiện tư duy sâu rộng, nhạy bén của ông trước những biến động ở thời Trần - Hồ và thời kỳ Lam Sơn khởi nghĩa. Tìm hiểu tư tưởng

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường khoa Triết học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Phạm Văn Đồng, *Nguyễn Trãi - người anh hùng dân tộc*. Báo Nhân dân, số 3099, ngày 19-9-1962.

triết học của Nguyễn Trãi, *một mặt*, góp phần vào công việc ngày càng làm sáng tỏ chân dung Nguyễn Trãi - một công việc còn lâu dài; *mặt khác*, góp phần khẳng định quan điểm đúng đắn của Đảng ta về việc xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, với phương châm: “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bách học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”(2).

Nguyễn Trãi là một nhà tư tưởng, nhưng ông không trình bày quan điểm của mình thành một học thuyết có tính hệ thống nào đó, mà từ hiện thực lịch sử đầy sôi động của dân tộc cuối thế kỷ XIV - đầu thế kỷ XV, ông đã suy xét, triết lý về nó để từ đó, soi rọi vào sự nghiệp “nhân nghĩa”, “an dân”, “rửa nỗi hận ngàn thu”, “mở nền thái bình muôn thuở” cho dân tộc. Cho nên, tư tưởng triết học của ông mang đậm hơi thở của cuộc sống, hòa lẫn và ẩn chứa đằng sau các lĩnh vực tư tưởng khác, như chính trị, quân sự, ngoại giao, văn chương... Về vấn đề này, một nhà nghiên cứu đã viết: “Triết lý nhân nghĩa của Nguyễn Trãi cuối cùng chẳng qua là lòng yêu nước thương dân, cái nhân, cái nghĩa cuối cùng chẳng qua là phấn đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt tàn bạo, vì độc lập của nước, hạnh phúc của dân”(3).

Mỗi nhân vật lịch sử nói chung, mỗi nhà tư tưởng nói riêng đều là sự kết tinh tinh hoa đất nước, dân tộc và thời đại họ, như C.Mác đã viết: “Các triết gia không mọc lên như nấm từ trái đất, họ là sản

phẩm của thời đại của mình, của dân tộc mình, mà dòng sữa tinh tế nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học”(4). Thực vậy, cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Nguyễn Trãi gắn liền với lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIV và nửa đầu thế kỷ XV, qua sự biến đổi dồn dập của lịch sử. Đó là quá trình chuyển biến từ nhà Trần sang nhà Hồ; sau đó là sự xâm lược của giặc Minh và cuộc kháng chiến chống quân Minh bằng khởi nghĩa Lam Sơn gian khổ nhưng thắng lợi vẻ vang, mở đầu cho công cuộc xây dựng đất nước của một triều đại mới - triều đại Lê Sơ. Chính những đặc điểm và điều kiện lịch sử - xã hội thời ấy đã làm nên Nguyễn Trãi - một nhà văn hóa, một nhân vật lịch sử kiệt xuất đầu thế kỷ XV của dân tộc Việt Nam.

1. Về tiền đề lý luận của tư tưởng Nguyễn Trãi. Qua các tác phẩm văn thơ của Nguyễn Trãi, chúng ta thấy, tư tưởng của ông trước hết chịu ảnh hưởng của Nho giáo. Cụ thể, đó là tư tưởng của Nho giáo về *thiên mệnh, trung dung, tam cương, ngũ thường, tư tưởng về nhân nghĩa*... Nhưng, tư tưởng Nho giáo của Nguyễn Trãi là một thứ “Nho học khai phóng”, mang nhiều nội dung vượt lên trên Nho giáo chính thống, không phải Nho giáo có tính kinh viện, vong bản của bọn “bạch diện thư sinh”. Bởi lẽ, cuộc đời và tâm hồn Nguyễn Trãi luôn gắn với

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.173.

(3) Chương Thâu. *Trên con đường tìm hiểu sự nghiệp thơ văn Nguyễn Trãi*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1980, tr.14.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.1.Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.156.

thực tiễn nóng bỏng của xã hội Việt Nam hồi cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV. Ông luôn trăn trở về sự tồn vong của dân tộc với lòng yêu nước cháy bỏng và thương dân tha thiết.

Bên cạnh đạo lý Nho giáo, Nguyễn Trãi còn thấm nhuần triết lý Phật giáo với đức hiếu sinh, khoan dung, bác ái và từ bi: “Thân đã hết lụy thân nên nhẹ; Bút ấy là lòng bút há cầu” (*Quốc âm thi tập*, *Mạn thuật*); “thần vũ không giết”, “tỏ lòng hiếu sinh”(5). Và, trên thực tế, Nguyễn Trãi đã xin Lê Lợi tha cho mười vạn quân Minh khi chúng bại trận. Trong *Bình Ngô đại cáo*, cùng với việc lên án sự tàn bạo tội cùng của quân thù, Nguyễn Trãi còn biểu lộ tấm lòng yêu thương bao la của mình không chỉ đối với con người, với dân chúng, mà còn đối với cả loài vật: “Nhiều dân, thiết huyền lộc chi hãm tịnh. Điển vật chức thúy cầm chi vớng la. Côn trùng thảo mộc giai bất đắc dĩ toại kỳ sinh,擾民,設玄鹿之陷阱.殄物,織翠禽之罔.昆虫草木,皆不得以遂其生. Nhiều dân, đào hầm bẫy hươu đen. Hại vật, chăng lưới bắt chim, cỏ cây sâu bọ, không loài nào được thỏa sống còn”(6).

Cùng với Nho và Phật, Nguyễn Trãi còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng Lão - Trang, đó là lòng “thanh tĩnh vô vi”, nhân tản, ung dung tự tại, không màng danh lợi của ông. Trong *Quốc âm thi tập*, từ an nhàn, yên phận được ông nhắc đến rất nhiều lần, chẳng hạn: “Khứ phạ phồn hoa đạp nhuyển trần. Nhất lê nham bạn khả tàng thân 去怕繁花踏軟塵,一犁岩畔可藏身 - Bỏ chốn phồn hoa, lánh tục trần. Cây sâu mảnh ruộng được yên thân”(7), “Am quê về ở dưỡng nhà chơi, yên phận yên lòng kéo tiếng hơi”(8), hoặc “qua ngày qua tháng dưỡng thân nhàn”(9). Quan niệm của Nguyễn Trãi về công danh, về

cuộc đời cũng rất gần với đạo Lão - Trang: “Nhân trung phù thế, tổng phù vân 眼中浮世,總浮雲 - Cõi trần mắt thấy thực phù vân”(10); “Tùng cúc do tồn quy vị mẫn. Lợi danh bất tiến ẩn phương chân 松菊猶存歸未晚.利名不羨隱方真”(11); “Thế thượng hoàng lương nhất mộng dư 世上黃梁一夢餘 - Cuộc đời là một giấc mơ thôi”(12); “phú quý treo sương ngọn cỏ”(13)... Song, Nguyễn Trãi không phải là người “công toại danh thoái” như Lão - Trang. Con người Nguyễn Trãi “bất vị kỳ sâu tồn cựu hảo 不為羈愁損舊豪 - Không vì mối sầu xa nhà mà sút hào khí cũ đi”(14). Do đó, ông không đi tìm cái an nhàn ích kỷ, càng không dễ chôn mình trong bi quan, hay bằng lòng an phận như quan niệm của người đời. Con người Nguyễn Trãi lúc nào cũng “mơ màng việc quốc gia” và vì thế, “bình sinh độc bảo tiên ưu niệm 平生獨抱先憂念 - suốt đời ôm mãi lòng lo trước”(15). Ông sẵn sàng đáp lời kêu gọi của vua, sẵn sàng “Nhất tâm báo quốc thượng hoàn hoàn 一心報國尚桓桓 - Một lòng báo quốc vẫn còn hăng”(16).

(5) Nguyễn Trãi. *Ức Trai tập*, quyển thượng. Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1972, tr.160.

(6) *Sdd.*, tr.324.

(7) *Sdd.*, tr.95.

(8) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr.415.

(9) *Sdd.*, tr.11.

(10) Nguyễn Trãi. *Ức trai tập*, *Sdd.*, tr.121.

(11) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Sdd.*, tr.339.

(12) Nguyễn Trãi. *Ức Trai tập*, *Sdd.*, tr.39.

(13) Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Sdd.*, tr.420.

(14) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Sdd.*, tr.282.

(15) Nguyễn Trãi. *Ức Trai tập*, *Sdd.*, tr.108.

(16) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Sdd.*, tr.301.

Trong những tiền đề hình thành tư tưởng triết học của Nguyễn Trãi, chúng ta không thể không đề cập tới nhân tố chủ quan của nhân tài Nguyễn Trãi - nhân tố giữ vai trò quyết định trong việc hình thành tư tưởng của ông. Bởi vì, tư tưởng bao giờ cũng là sản phẩm của tư duy con người trên cơ sở con người phản ánh sáng tạo và khái quát hiện thực khách quan. Nguyễn Trãi sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho, ông ngoại và cha của ông là những trí thức uyên bác. Nguyễn Trãi đã học ở ông và cha những kiến thức sâu rộng và tâm hồn cao đẹp. Ông cũng tiếp thu ở nhiều nhà Nho trước đó và cùng thời ông tư tưởng suốt đời "báo quốc", "an dân". Thiên tài của Nguyễn Trãi còn thể hiện ở chỗ, ông biết *tự đổi mới*. Một bậc trí giả như Nguyễn Trãi, dưới thời phong kiến, vốn dòng dõi thế tộc, chịu sự chi phối của luồng tư tưởng thống trị lúc bấy giờ, đã từng hấp thụ những kiến thức phức tạp qua sử sách cũ, nhất là qua *Tứ thư*, *Ngũ kinh*... nhưng vốn là một người có bản lĩnh, biết tư duy độc lập, cho nên ông đã biết chất lọc, tiếp thu những nhân tố tích cực trong tư tưởng Nho - Phật - Lão. Tất nhiên, Nguyễn Trãi không thể thoát ly hoàn cảnh ông đang sống, không thể đoạn tuyệt với tất cả những ràng buộc trong xã hội lúc bấy giờ, như phong tục, tập quán, luật lệ..., nhưng ông vẫn tìm ra được lối thoát khỏi những ràng buộc của khuôn khổ phong kiến.

2. Tư tưởng triết học của Nguyễn Trãi được thể hiện chủ yếu qua quan điểm của ông về thế giới, về chính trị - xã hội, về luân lý đạo đức và cuộc sống con người.

Trước hết là quan điểm về thiên mệnh, về trời đất và con người. Nguyễn Trãi tự coi mình là môn đệ của Khổng Tử và vì

thế, ông chịu khá nhiều ảnh hưởng quan niệm về vũ trụ của Khổng Tử, đặc biệt là quan niệm về mệnh trời, vận trời. Khổng Tử tin rằng, trời là một lực lượng siêu hình, nhưng có sức mạnh, có ý chí, quy định trật tự xã hội, tự nhiên và số phận con người, đó gọi là thiên mệnh. Trong *Luận ngữ*, Khổng Tử viết: "Đắc tội với trời, không thể cầu vào đâu được 獲罪於天無所禱也 - Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã"(17); "sống chết do số mệnh, giàu sang tại trời 死生有命, 富貴在天 - tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên"(18). Trong tư tưởng của Khổng Tử, chúng ta không thấy ông nói tới trời đất sinh ra muôn vật và loài người, chỉ thấy ông nói đến "mệnh", "mệnh trời", tin có mệnh, biết mệnh và sợ mệnh. Khổng Tử khuyên: "Người quân tử có ba điều sợ: sợ mệnh trời, sợ bậc đại nhân, sợ lời thánh nhân 君子有三畏: 畏天命, 畏大人, 畏聖人之言 - Quân tử hữu tam úy: úy thiên mệnh, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn"(19); "không biết mệnh, không thể là người quân tử 不知命無以為君子也 - bất tri mệnh vô dĩ vi quân tử dã"(20).

Trong các tác phẩm của mình, Nguyễn Trãi nói rất nhiều đến vũ trụ và trời đất, điển hình là trong *Quân trung từ mệnh tập* và *Ức Trai thi tập*. Chẳng hạn, ông viết: "Trên có trời đất quỷ thần 上有天地鬼神 - Thượng hữu thiên địa quỷ thần"(21), "trời không che riêng ai, đất không chở riêng ai"(22); "Khi thiên vồng

(17) *Luận ngữ*, Đoàn Trung Còn dịch, Trí Đức, Sài Gòn, 1950, tr.38.

(18) *Sđđ.*, tr.182.

(19) *Sđđ.*, tr.262.

(20) *Sđđ.*, tr.314.

(21) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Sđđ.*, tr.122.

(22) *Sđđ.*, tr.114.

thượng vị thiên cao. Thiên vông khôi khôi cánh mạc đào 欺天罔上謂天高。天罔恢恢更莫逃 - Đối trời lừa vua rồi bảo rằng trời cao. Lưới trời lồng lộng không thể trốn”(23). Đối với Nguyễn Trãi, trời đất rất linh thiêng. Trong *Côn Sơn ca*, ông viết: “Thiên khải thánh hể, địa hưng vương 天啟聖兮, 地興王 - Trời mở đường cho thánh. Đất giúp việc cho vương”(24). Nguyễn Trãi cho thấy rằng, trời là lẽ biến hóa tự nhiên: “trời đất lòng nào sự biến kinh - trời đất thật vô tình sinh ra sự biến nhiều”(25). Trong thư gửi cho các tướng giặc là Đả Trung, Lương Nhữ Hốt, Vương Thông, ông viết: “Vận trời tuần hoàn, đi rồi lại lại - Thiên vận tuần hoàn, vô vãng bất phục”(26).

Tư tưởng về thế giới của Nguyễn Trãi rất đa dạng, phong phú, bao gồm nhiều yếu tố. Có lúc, ông gọi là trời, đất, núi cao, sông dài, biển rộng... Có lúc, ông gọi là vũ trụ - một khái niệm rộng lớn, bao trùm hơn. Theo ông, vũ trụ luôn vận động, biến hóa liên tục: “vũ trụ thiên niên biến cố đa 宇宙千年變估多 - nghìn năm trong vũ trụ biến cố xảy ra nhiều”(27). Trong tư tưởng Nguyễn Trãi, trời đất không phải là một khái niệm trừu tượng hay có ý nghĩa vật lý như trong triết học phương Tây, mà trời là đấng tạo hóa sinh ra muôn vật, ông viết: “Trời đất sinh muôn vật”, “ơn tạo hóa của trời đất”(28). Tư tưởng thiên mệnh của Khổng Tử không nói tới điều này. Theo Nguyễn Trãi, trời không chỉ là đấng sinh thành, mà còn có tình cảm: “Thiên địa đa tình 天地多情 - Trời đất đa tình”(29). Nguyễn Trãi coi trời đất cũng có tấm lòng giống như cha mẹ. Trong bức thư gửi cho Vương Thông, ông viết: “Tôi nghe: thành thực yêu vật là lòng trời đất; thành thực yêu

con là lòng cha mẹ. Nếu yêu vật thành thực thì cơ sinh hóa có lúc đình, yêu con không thành thực thì niềm từ ái có khi thiếu. Vì thế, nên trời đất đối với muôn vật, cha mẹ đối với con cái, chẳng qua chỉ một chữ “thành” mà thôi”(30).

Với Nguyễn Trãi, mệnh trời được hiểu trong nhiều trường hợp, như trong vận nước, mệnh vua, trong cuộc sống giàu sang, nghèo hèn, trong thành bại... Trước hết, theo Nguyễn Trãi, vận nước, mệnh vua cũng là do trời quy định. Trong *Lại có thư dụ Vương Thông*, ông viết: “Nước Ngô ngày nay mạnh thì không bằng Tần mà hà khắc thì hơn. Rồi không đầy năm, sẽ nối nhau chết cả đó. Đó mới là mệnh trời, chứ sức người có làm gì 今吳之彊不及秦, 而苛刻殆甚, 不滿期年. 必相繼而死, 所謂天命非人力也 - Kim Ngô chi cường bất cập Tần, nhi hà khắc đãi thậm. Bất mãn cơ niên, tất tương kế nhi tử. Sở vi thiên mệnh, phi nhân lực dã”(31); “nước thịnh hay suy, quan hệ ở trời”(32). Nhưng, nếu một ông vua có nhân đức, có tấm lòng yêu nước, thương dân thì sẽ được trời giúp. Vì thế, trong *Chiếu răn dạy thái tử*, Nguyễn Trãi có căn dặn: “Giúp đỡ cho người có đức là trời, khó biết không thường cũng lại là

(23) *Sđđ.*, tr.299.

(24) Nguyễn Trãi. *Ức Trai tập*, quyển hạ, *Sđđ.*, tr.533.

(25) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Sđđ.*, tr.325.

(26) *Sđđ.*, tr.122.

(27) *Sđđ.*, tr.277.

(28) *Sđđ.*, tr.102.

(29) *Sđđ.*, tr.283.

(30) *Sđđ.*, tr.511.

(31) Nguyễn Trãi. *Ức Trai tập*, quyển hạ (4, 5, 6), *Sđđ.*, tr. 542.

(32) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Sđđ.*, tr.130.

trời 佑于有德者天也, 難謀靡常者亦天也- Hữu vu hữu nhân giả, thiên dã, nan thâm mi thường giả diệc thiên dã”(33).

Còn về cuộc đời của mỗi con người, Nguyễn Trãi cho rằng, mọi sự thành bại, giàu sang, phú quý hay đói rách, nghèo hèn của con người cũng đều do mệnh trời sắp đặt: “Nhân sinh vạn sự tổng quan thiên 人生万事總關天 - Đời người muôn việc thủy do trời”(34), “sang cùng khó bởi chưng trời, lẫn lóc làm chi cho nhọc hơi”(35). Vậy nên, “mới biết doanh hư là có số, ai mà cãi được lòng trời”(36). Tuy nhiên, Nguyễn Trãi cũng tin vào sự tuần hoàn của trời, của thiên đạo; rằng, hết xuân hạ đến thu đông, hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai, cuộc đời luôn xoay vần chứ không bao giờ đứng yên: “Ngày nay, vận trời quay vòng, vận đã đi rồi phải trở lại 今者天運循環無往不復 - Kim giả, thiên vận tuần hoàn, vô vãng bất phục” (*Lại có thư dụ Vương Thông*). Với niềm tin đó, Nguyễn Trãi bao giờ cũng an nhiên tự tại: “Vấn dài, được mất dầu thiên mệnh, Trãi quải làm chi cho nhọc nhàn”(37). Ngay cả lúc gặp thất bại, Nguyễn Trãi cũng không đau khổ, dẫu gặp thành công cũng không tự đắc: “cho hay bĩ thái mới lẽ cũ, nếu có nghèo thời có an”(38).

Ngoài việc tin ở sự chi phối của mệnh trời và chu kỳ xoay vần của trời đất, Nguyễn Trãi còn tin rằng, nếu con người biết tuân theo lẽ trời, mệnh trời, thì có thể biến yếu thành mạnh, chuyển bại thành thắng. Và ngược lại, theo Nguyễn Trãi, nếu con người không theo “ý trời”, “lòng trời”, thì có thể “biến thân thiết làm thù địch, chuyển yên thành nguy”(39) và “tự rước họa vào thân”(40). Qua đó, chúng ta thấy rằng, tư tưởng của Nguyễn Trãi về trời không phải chỉ là đáng siêu nhiên, thần bí, mà trời còn là yếu tố khách quan,

là quy luật, là lệ ước, là thời... Tư tưởng này của Nguyễn Trãi thể hiện rõ trong những bức thư ông gửi cho các tướng giặc nhà Minh và trong thư kêu gọi binh lính trong các thành chiếm đóng. Đối với các tướng giặc, ông coi chúng là kẻ “bất đạo, trái với lòng trời”. Trong thư gửi cho Tổng binh Vương Đại Nhân, Nguyễn Trãi tố cáo âm mưu đen tối và thái độ lật lọng của Vương Thông trong việc giảng hòa hai bên, ông viết: “Tôi thường nghe: thời có thịnh suy, quan hệ ở vận trời; việc có thành bại thực ở tại người làm”(41). Còn về viên tướng Liễu Thăng ngạo mạn, hống hách, hiếu thắng và xem thường thời thế, Nguyễn Trãi viết: “tuy ta không giết chết, cũng là bởi Thôi Công trái mệnh trời, tự rước lấy tai họa”(42). Cũng chính vì lẽ đó, Nguyễn Trãi khuyên kẻ làm tướng trước hết phải biết “trên xét thời trời, dưới suy việc người”, nên “tuân theo lẽ phải của trời, không thể theo ý riêng mình được”(43) để không “hối hận về sau”(44). Đối với quân lính trong các thành, Nguyễn Trãi kêu gọi chúng: “Nay trời mượn tay ta, việc không dừng được, ai theo mệnh ta thì phá giặc, sống mà có công; ai không theo mệnh ta thì chết, chẳng được việc gì”(45).

(33) Nguyễn Trãi. *Ức Trai tập*, quyển thượng (1, 2, 3), Sđđ., tr.396.

(34) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđđ., tr.275.

(35) Sđđ., tr.389.

(36) Sđđ., tr.424.

(37) Sđđ., tr. 454.

(38) Sđđ., tr. 444.

(39) Sđđ., tr.174.

(40) Sđđ., tr.175.

(41) Sđđ., tr.173.

(42) Sđđ., tr.175.

(43) Sđđ., tr.157.

(44) Sđđ., tr.156.

(45) Sđđ., tr.144.

Nguyễn Trãi tin ở mệnh trời, bởi sự trừng phạt công minh ở đời, bởi trời không khô khan, cứng nhắc mà trái lại, trời có lòng “hiếu sinh”, có “đạo trời”. Lòng hiếu sinh và đạo trời lại rất hòa hợp với tâm lý phổ biến và nguyện vọng tha thiết của lòng người, đó là hạnh phúc, ấm no và thái bình. Ông viết: “Đạo trời ưa sống, lòng người ghét loạn”(46), “xua mạng người vào trong đám dáo mác, ta sợ rằng lòng hiếu sinh của Thượng đế tất không để cho làm như thế đâu”(47). Và, ông khuyên người làm tướng cầm quân “muốn mưu việc lâu dài trên thuận lòng hiếu sinh của trời, dưới cứu thoát nhân dân từ trong chỗ nước sôi lửa bỏng”(48). Không chỉ khuyên nhủ, trên thực tế, Nguyễn Trãi đã thực hiện tư tưởng đó, như ông bày tỏ: “Thần vũ không giết, ta thể lòng trời để tỏ lòng hiếu sinh 神武不殺, 我亦體上帝好生之心 – Thần vũ bất sát, ngã diệc thể thượng đế hiếu sinh chi tâm”(49). Có thể nói, ở đây, Nguyễn Trãi đã tiếp thu tư tưởng hiếu sinh của các tôn giáo, nhưng trên lập trường dân tộc và nhân dân.

Quan niệm thiên mệnh của Nguyễn Trãi tuy còn có yếu tố thần bí, nhưng đã chứa đựng tính chất biện chứng. Đó chính là mối quan hệ biện chứng giữa yếu tố khách quan là lẽ trời, vận trời, lòng trời (hiếu là xu thế lịch sử, xu thế thời đại) và yếu tố chủ quan là lòng người, ý người, sức dân (sức lực chủ quan của con người hành động). Nguyễn Trãi coi đó là hai điều kiện quan trọng không thể thiếu ở một con người hành động, nhất là trong hành động chính trị, điều đáng quý ở người quân tử là phải biết “do tùy thời thông biến”(50) để “lượng sức xử mình”(51). Đồng thời, ông còn chỉ ra rằng, trong hai điều kiện đó, loại thứ nhất là cơ sở, là điều

kiện, quy định hoạt động của con người “phải thuận lòng trời mới hợp lòng người”(52); loại thứ hai là bản thân con người hành động, ngoài sự hiểu biết điều kiện bên ngoài còn phải đánh giá đúng sức lực của mình, khả năng của mình và quan tâm thực hiện mục đích thì mới có thể thành công: “Đã do trời mà biết thời lại có chí để thành công”(53).

Tiếp theo là về tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi. Nhân và nghĩa vốn là những khái niệm có tính chất chính trị và đạo đức của Nho giáo, do Khổng Tử đề xướng và Mạnh Tử phát triển thêm. Nhưng, nội dung chủ yếu trong khái niệm nhân và nghĩa đó có tính chất bảo thủ, tôn sùng quá khứ và gắn với mục đích phục vụ giai cấp thống trị “bình thiên hạ” không phải bằng vũ lực, mà bằng đạo đức (đức trị), theo một trật tự đẳng cấp khắc nghiệt. Đạo nhân nghĩa chỉ là đạo của đẳng trượng phu, bậc quân tử, còn những kẻ tiểu nhân, tức là đông đảo quần chúng thuộc các tầng lớp dưới thì không thể có đạo nhân được. Còn đối với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa không chỉ tồn tại trong tư tưởng, mà còn có trong cả hành động. Nếu xét toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Trãi mà chúng ta còn được biết, thì có thể thấy, chữ nhân đã được ông nêu 59 lần, chữ nghĩa được nêu 81 lần. “Nhân nghĩa” của Nguyễn Trãi khác rất nhiều

(46) *Sdd.*, tr.170.

(47) *Sdd.*, tr.152.

(48) *Sdd.*, tr.175.

(49) *Sdd.*, tr.81.

(50) Nguyễn Trãi. *Ức Trai tập*, quyển hạ (4, 5, 6), *Sdd.*, tr.523.

(51) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Sdd.*, tr.155.

(52) *Sdd.*, tr.201.

(53) *Sdd.*, tr.85.

so với “nhân nghĩa” của Khổng Mạnh, bởi nó mang ý nghĩa thực tiễn và nhân bản tích cực.

Với Nguyễn Trãi, trước hết, “nhân nghĩa cốt ở an dân 仁義之舉務在安民 - Nhân nghĩa chỉ cử vụ tại an dân”(54), là “dùng quân nhân nghĩa cứu dân khổ, đánh kẻ có tội”, là “đại đức hiếu sinh, thần vũ bất sát, đem quân nhân nghĩa đi đánh dẹp cốt để an dân”(55), là “đánh kẻ có tội, cứu vớt dân, là thánh nhân làm việc đại nghĩa”(56), ... *Nhân nghĩa như vậy chính là yêu nước, thương dân, đánh giặc, trừ bạo cứu nước, an dân*; trong đó, “an dân” là mục đích của nhân nghĩa, còn “trừ bạo” là đối tượng và phương tiện của nhân nghĩa. Người nhân nghĩa phải đấu tranh sao cho “hợp trời, thuận người”, cho nên có thể lấy “yếu chống mạnh”, lấy “ít địch nhiều”, “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo 以大義而勝凶殘. 以至仁而易彊暴 - Dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn. Dĩ chí nhân nhi địch cường bạo”. Nhân nghĩa như là một phép lạ làm cho “Càn khôn đã bĩ mà lại thái, trời trắng đã mờ mà lại trong 乾坤既否而復泰. 日月既晦而復明 - Càn khôn ký bĩ nhi phục thái. Nhật nguyệt ký hối nhi phục minh”(57). Tư tưởng *nhân nghĩa* của Nguyễn Trãi thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ hệ thống tư tưởng của ông. Nó không chỉ được biểu hiện rõ nét nhất trong các quan điểm của Nguyễn Trãi về lòng thương người, an dân, trừ bạo, về đức hiếu sinh, mà còn được thể hiện trong các quan điểm của ông về đường lối chính trị, về nhân dân và về một xã hội thái bình.

Nhân nghĩa ở Nguyễn Trãi trước hết là một đường lối chính trị, một chính sách cứu nước và dựng nước. Nó được thể hiện trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh,

được dùng làm vũ khí để phê phán luận điệu xảo trá, thâm độc của giặc, vạch trần hành động dã man của chúng. Đồng thời, nó còn được vận dụng vào việc xây dựng đất nước trong thập niên đầu của triều đại Lê Sơ.

Với lòng *thương người, tình người, sự chân thành, sự khoan dung độ lượng*, Nguyễn Trãi không chỉ dạy cho mọi người hiểu và làm điều nhân nghĩa, mà tư tưởng nhân nghĩa của ông còn là phương tiện tốt nhất để thuyết phục kẻ thù, cảm hóa những kẻ lầm đường, thu phục lòng người. Đây là nét độc đáo trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, gọi là chiến lược “tâm công”, nghĩa là “đánh vào tấm lòng bằng tấm lòng”. Chiến lược này đã được Nguyễn Trãi thấu tóm linh hồn, chất tinh túy từ trong các sách về binh pháp xưa.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi còn nổi bật ở quan điểm và thái độ đối xử với kẻ thù đã đầu hàng. Nó thể hiện đậm nét đức “hiếu sinh”, “khoan dung” và lòng nhân ái của dân tộc Việt. Nguyễn Trãi, cũng như Lê Lợi, chủ trương không giết kẻ thù đã đầu hàng để hả giận tức thời, mà còn tạo điều kiện cho chúng rút về nước không mất thể diện. Trong thư gửi Vương Thông, Nguyễn Trãi viết: “Cầu đường sửa xong, thuyền xe sắm đủ, hai đường thủy lục, tùy theo ý muốn, đưa quân ra côi, yên ổn muôn phần”(58). Theo Nguyễn Trãi, “Trả thù báo oán là thường tình của mọi người mà không thích giết người là bản tâm của người nhân. Và lại

(54) *Sđđ.*, tr.77.

(55) *Sđđ.*, tr.153.

(56) *Sđđ.*, tr.187.

(57) *Sđđ.*, tr.81.

(58) *Sđđ.*, tr.135.

người ta đã hàng rồi mà giết thì việc bất thường không gì to bằng. Để thỏa lòng giận trong một buổi mà mang tiếng là giết người đầu hàng mãi muôn năm, chi bằng tha mạng cho ức vạn người mà tuyệt mối chiến tranh cho sau này, sử xanh ghi chép, tiếng thơm muôn đời há chẳng lớn sao”(59). Sở dĩ như vậy là vì, dân yên vui, nước hoà bình là khát vọng cháy bỏng của Nguyễn Trãi. Ngoài điều đó, ông không còn mong muốn gì khác, bởi thế: “Dùng binh cốt lấy bảo toàn cả nước làm trên hết. Để cho bọn Vương Thông trở về nói với vua Minh trả lại đất đai cho ta, đó là điều ta cần không gì hơn thế nữa... Hà tất phải giết hết bọn chúng để gây oán với nước lớn làm gì”(60). Có thể nói, “tuyệt mối chiến tranh”, “bảo toàn cả nước là trên hết” đã thể hiện một lập trường, quan điểm triết học - chính trị, một lối tư duy sắc sảo của Nguyễn Trãi. Hơn tất cả, ông quan tâm đến vận nước, thể nước an toàn, vững mạnh. Đó là tinh thần nhân đạo cao cả và triết lý nhân sinh sâu sắc của ông. Nguyễn Trãi còn nhắc đi nhắc lại nhiều lần với quân dân ta và kẻ thù về điều đó: “Người quân tử không giữ oán cũ, ví như mưa to gió dữ, chốc tạnh lại quang”(61).

Chiến lược đánh giặc cứu nước, cứu dân, “mở nền thái bình muôn thuở” bằng tấm lòng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi có ý nghĩa rất to lớn cả về lý luận và thực tiễn ở chỗ, nó không chỉ kết thúc một cuộc chiến tranh tàn khốc do quân xâm lược gây ra, mà quan trọng hơn, nó dập tắt được ngọn lửa hận thù dân tộc - nguồn gốc gây nên những cuộc chiến tranh báo thù không bao giờ chấm dứt và do đó, chẳng bao giờ đạt tới cái đích “an dân”. Nguyễn Trãi và Lê Lợi cùng với quân dân Đại Việt đã kiên quyết thi hành một

đường lối kết thúc chiến tranh rất sáng tạo, rất nhân nghĩa: “nghĩ kế nước nhà trường cửu, tha cho mười vạn hàng binh. Gây lại hòa hảo cho hai nước, dập tắt chiến tranh cho muôn đời”(62). Nguyễn Trãi thực là một con người “kinh bang tế thế”, tư tưởng “vang đến muôn đời”.

Khi đất nước hòa bình, nhân dân bước vào xây dựng cuộc sống mới, nhưng vẫn có những kẻ lười biếng không chịu lao động, chúng chỉ chuyên đi trộm cắp hoặc gây tội ác đối với nhân dân. Xét về lý (chiếu theo luật), chúng phải bị trừng trị nặng nề. Nhưng với Nguyễn Trãi, ông chỉ muốn trừng phạt có mức độ để giáo hóa. Mặc dù chủ trương đó đã bị nhiều người đả kích, xuyên tạc, thậm chí còn quy cho ông những tội lỗi, nhưng ông đã dũng cảm vượt qua, vì ông tin ở nghĩa lớn, tin ở thể đi lên của đất nước, ở sức mạnh của lẽ phải, của chân lý, của lòng nhân nghĩa. Ông đã đề xuất kinh nghiệm sống của bản thân và nâng kinh nghiệm đó lên thành một quan điểm triết học. Khi vua Thái Tông hỏi Nguyễn Trãi về việc bảy tên tội phạm đáng bị tử hình, ông đã khuyên vua: “Hình phạt không bằng nhân nghĩa là rõ ràng rồi. Bây giờ một lúc giết bảy mạng người, e không phải là việc có đức cao. *Kinh Thư* có nói: “An nhữ chi” nghĩa là phải làm cho được đúng chỗ. Thí dụ như trong cung là đúng chỗ của Bệ hạ, thỉnh thoảng có đi tuần du chỗ khác, thì không thể thường được thoải mái, đến khi trở về cung mới thật được đúng chỗ, ông vua đối với nhân nghĩa cũng vậy”. Tư tưởng này, xét ở góc độ

(59) *Sdd.*, tr.69.

(60) *Sdd.*, tr.28.

(61) *Sdd.*, tr.131.

(62) *Sdd.*, tr.87.

nhân sinh, là một phát hiện, một sự tổng kết có giá trị về *chỗ đứng*. Nghĩa là, trong cuộc đời của mỗi con người, điều quan trọng nhất là ở chỗ người ấy chọn được một chỗ đứng thích hợp và luôn đứng vững. Như Nguyễn Trãi, dù lúc này, lúc khác, cách nói của ông có thay đổi, nhưng lập trường yêu nước, thân dân của ông luôn được xác định. Xét ở góc độ tư duy, Nguyễn Trãi đã luôn suy nghĩ, có ý thức và thái độ nhất quán trước hoàn cảnh sống và mọi hành vi khác nhau.

Trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, ngoài những đặc điểm trên, còn phải kể đến tư tưởng về nhân dân của ông: Cuộc đời Nguyễn Trãi, trừ những năm ông sống ở Thăng Long và Côn Sơn, là cuộc sống của một Nho sĩ nghèo, thiếu thốn, mười năm cùng Lê Lợi chống quân Minh là mười năm cực kỳ gian khổ. Nguyễn Trãi đã có cuộc sống gần gũi với nhân dân, hòa mình vào nhân dân, nên ông đã nhìn thấy những đức tính cao quý của nhân dân, hiểu được nguyện vọng tha thiết của nhân dân và tin vào sức mạnh vĩ đại của nhân dân. Vì thế, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đậm đà, sâu sắc, mang nhiều nét độc đáo, rất gần gũi với nhân dân. Đối với Nguyễn Trãi, “yêu nước là thương dân, để cứu nước phải dựa vào dân, và cứu nước là để cứu dân, đem lại thái bình cho dân, cho mọi người”(63). Cho nên không có gì lạ khi chúng ta thấy Nguyễn Trãi nhắc đến dân rất nhiều lần trong các tác phẩm của ông - 155 lần. Nguyễn Trãi là người đầu tiên trong lịch sử Việt Nam nói đến “dân đen con đỏ” một cách tha thiết, cảm động và chân thành. Ông viết: “... Bọn có phận sự chăn dắt dân, thì không lấy chữ (phủ dân) làm cốt yếu, mà chỉ vụ lợi tham nhũng. Bọn

tướng suý thì không lấy chữ (vệ dân) làm cốt yếu, lại đi lộng hành lằng ngược. Cho đến cả bọn hoạn quan, cũng tha hồ đi vơ vét áp bức lương dân, thu nhặt vàng ngọc 其牧民之官, 則不以撫字為念, 而務意侵. 其將師之臣, 則不以衛民為心, 而肆行凌虐, 至若閹宦之徒, 專以聚斂為意, 培克良民逼取金寶 - Kỳ mục dân chi quan, tác bất dĩ phủ tự vi niệm nhi vụ ý xâm ngư. Kỳ tướng súy chi thần tác bất dĩ vệ dân vi tâm, nhi tứ hành lằng ngược. Chí nhưc yêm hoạn chi đồ chuyên dĩ tự liêm vi ý. Bồi khắc lương dân, bức thủ kim bảo”(64). Nguyễn Trãi thương dân bởi ông thấy dân đã phải chịu nhiều đau đày dưới sự thống trị hà khắc của giặc Minh. Trên nhiều trang thư gửi cho các tướng giặc, Nguyễn Trãi đã thống thiết nói lên điều đó: “Phương Chính, Mã Kỳ chỉ chuyên làm điều tàn ác, nhân dân khốn khổ, thiên hạ đều oán giận. Chúng khai quật mồ mả áp ta, bắt cóc vợ con dân ta, người sống đã bị hại, người chết cũng ngậm oan”(65). *Bình Ngô đại cáo* là một bản cáo trạng danh thép về tội ác tày trời của giặc Minh: “Thui dân đen trên lò bạo ngược; Hãm con đỏ xuống dưới hố tai ương”(66). Có “chặt hết trúc Lam Sơn” cũng “chẳng đủ ghi hết tội ác”(67) mà giặc Minh đã gây ra đối với nhân dân Đại Việt.

Trước chúng ta hơn sáu trăm năm, Nguyễn Trãi đã đưa ra quan niệm khá

(63) Chương Thậu, *Trên con đường tìm hiểu sự nghiệp thơ văn Nguyễn Trãi*, Sdd., tr.14.

(64) Nguyễn Trãi, *Ức trai tập*, quyển hạ (4, 5, 6), Sdd., tr.575.

(65) Sdd., tr.544.

(66) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sdd., tr.77.

(67) Sdd., tr.78.

sâu sắc về dân và vai trò của dân. Với Nguyễn Trãi, dân là những người “dựng gây làm cờ, dân chúng bốn phương tụ họp. Hòa rượu cùng uống, binh sĩ một dạ cha con 揭竿為旗，氓隸之徒四集。投膠饗士，父子之兵一心 - Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập. Đầu giao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm”(68), là “dân mọn các làng”, là người trong “thôn cùng xóm vắng”, là người đi cày đi ở. Ông đã phát hiện ra rằng, sức mạnh của “dân chúng” là sức mạnh kháng chiến cơ bản: “mến người có nhân là dân, mà chở thuyền và lật thuyền cũng là dân”(69), “chìm thuyền mới biết dân như nước”(70). Phải chăng từ những bài học xương máu trong lịch sử, mà gần nhất là bài học lịch sử ở đời Trần - Hồ, Nguyễn Trãi đã đúc rút được những kinh nghiệm quý báu về vai trò của dân? Tâm Nguyễn Trãi “ở nơi nhân dân” không phải chỉ khi ông còn nghèo khổ hay khi ông đang chiến đấu gian khổ chống giặc Minh, mà cả khi đất nước đã hòa bình và bước vào xây dựng cuộc sống mới, Nguyễn Trãi vẫn luôn nghĩ tới nhân dân. Ông thấy rõ rằng, cơm ăn, áo mặc có được là do nhân dân, diện ngọc cung vàng của vua chúa cũng do mồ hôi nước mắt của nhân dân mà có: “Thường nghĩ quy mô lớn lao lộng lẫy đều là sức lao khổ của quân dân”(71). Chính vì vậy, mỗi khi được hưởng lộc vua ban, ông luôn đến nhân dân, đến những người dãi nắng dầm mưa, lao động cực nhọc để tạo ra những lộc ấy: “Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày”(72). Cách Nguyễn Trãi nhìn nhận về vai trò của nhân dân như vậy không chỉ cho thấy rằng tư tưởng của ông đã vượt khỏi hệ tư tưởng phong kiến bảo thủ, gia trưởng về dân, mà còn khiến cho tư tưởng, triết lý nhân sinh của ông mang đậm tính nhân văn sâu sắc.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi còn thể hiện rõ trong ý tưởng xây dựng một đất nước thái bình, bên trên vua thánh tối hiền, bên dưới “thôn cùng xóm vắng không còn tiếng hờn giận oán sầu”, “Thánh tâm dục dữ dân hưu tức, văn trị chung tu trí thái bình 聖心欲與民休息。文治終須致太平 - Lòng vua chỉ muốn dân yên nghỉ, xếp võ theo văn, nước trị bình”(73), “vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn. Dường ấy ta đã phải sở nguyện”(74) của ông. Để được như vậy, ông cho rằng, vua phải là người tài đức, còn các quan lại “từ các đại thần tổng quản, cho đến đội trưởng cùng các quan ở viện, sảnh, cục, phạm người có chức vụ coi quân trị dân, đều phải theo phép công bằng, làm việc cẩn mẫn, thờ vua thì hết trung, đối dân thì hết hòa, đối bỏ thói tham ô, sửa trừ tệ lười biếng, bề đảng riêng tây phải dứt; thái độ cố phạm phải chữa”(75). Nguyễn Trãi tin rằng, nếu triều đình xây dựng được một hệ thống quản lý xã hội như vậy thì “xã tắc yên như Thái Sơn, cơ đồ vững như bàn thạch”(76).

Cuối cùng là tư tưởng của Nguyễn Trãi về thời thế. Có thể nói, chữ thời nổi lên như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ hệ thống tư tưởng của ông. Chữ thời mà Nguyễn Trãi nói đến chính là thời cơ, thời thế. Thời thế là xu thế tất yếu của thời

(68) *Sđđ.*, tr.79.

(69) *Sđđ.*, tr.203.

(70) *Sđđ.*, tr.60.

(71) *Sđđ.*, tr.196.

(72) *Sđđ.*, tr.445.

(73) Nguyễn Trãi. *Ức Trai tập*, quyển thượng (1, 2, 3) *Sđđ.*, tr.93.

(74) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Sđđ.*, tr.420.

(75) *Sđđ.*, tr.198 -199.

(76) *Sđđ.*, tr.199.

đại, là hướng đi lên không gì cưỡng lại của lịch sử. Thời là lúc có hoàn cảnh khách quan thuận lợi, cho phép hoạt động chủ quan của con người đạt được kết quả, thậm chí kết quả không ngờ, mà lúc khác không thể đạt được. Hiểu thời thế là biết phân tích tình hình một cách khách quan, nắm vững quy luật vận động, biến hóa của sự vật khách quan, để xác định, lựa chọn những phương pháp và hành động kịp thời, đúng lúc. Vì lẽ đó, Nguyễn Trãi thường nhấn mạnh vấn đề phải kịp thời, đúng thời, không lỡ thời, ông viết: “Nghĩa chữ thời to tát sao!”(77), “Thời! Thời! Thực không nên lỡ”(78). Song, theo Nguyễn Trãi, không phải ai cũng có thể nắm được thời. Chỉ những người có tầm mắt tiến bộ, tư tưởng khoáng đạt, đại biểu cho một giai cấp đi lên mới hiểu được thời thế. Trong *Lại có thư dụ Vương Thông*, ông viết: “Từ xưa đến nay bọn hủ nho sĩ tặc, không hiểu được thời. Biết dùng thời họa chẳng chỉ có bậc tuần kiệt 然自古以來迂儒俗士, 不識時務, 識時務者在乎俊傑 - Nhiên tự cổ dĩ lai, vu nho, tặc sĩ, bất thức thời vụ. Thức thời vụ giả, tại hồ tuần kiệt”(79).

Ở Nguyễn Trãi, quan niệm về thời hoàn toàn không mang nghĩa thụ động hay có ý chỉ chờ thời, không có hành động tích cực. Mà trái lại, ông cho rằng, cần phải vừa xem xét, phân tích diễn biến của thời cuộc đang diễn ra để biết được thời đến, vừa tạo ra lực lượng chủ quan để đón thời, để ứng phó cho kịp, để có thể chủ động được, tức là phải tạo ra cái mà Nguyễn Trãi gọi là *thế*. Để thành công thì phải có cả thời lẫn thế. Bởi vì, có thời mà không có thế thì thời sẽ bị bỏ lỡ, có thế thì sẽ đón bắt được thời khi thời cơ đến. Vừa có thời, vừa có thế thì sẽ làm thay đổi được tình hình, sức mạnh tăng nhanh,

thậm chí có thể lật ngược tình huống: “Được thời, có thế, thì đổi được, mất làm còn, hóa được, nhỏ làm lớn. Mất thời và thiếu thế, thì đang mạnh đổi ra yếu, đang yên chuyển ra nguy. Đổi chóng thật như trở bàn tay 得其時, 有其勢, 則變亡為存, 化小成大. 失其時, 無其勢, 則反強為弱, 轉安為危. 在乎反掌之間爾 - Đắc kỳ thời hữu kỳ thế, tắc biến vong vi tồn, hóa tiểu thành đại. Thất kỳ thời vô kỳ thế, tắc phản cường vi nhược, chuyển an vi nguy. Tại hồ phản chuồng chỉ gian nanh”(80). Vì vậy, ông khẳng định: “Điều quý nhất ở người tuần kiệt, chỉ là rõ thời thế, biết xét sự biến hóa mà thôi 所貴乎俊傑者在乎達時勢審事變而已 - Sở quý hồ tuần kiệt giả, tại hồ đạt thời thế, thẩm sự biến, nhi dĩ”(81).

Trên đây mới chỉ là một vài nét cơ bản và đặc sắc trong tư tưởng triết học của Nguyễn Trãi. Song, qua đó, chúng ta vẫn có thể thấy rằng, tư tưởng triết học của ông hoàn toàn không phải là những vấn đề tản mạn, mà trái lại, nó đã đạt đến một trình độ tư duy mang tính khái quát khá cao. Đặc biệt, ẩn chứa đằng sau hệ thống các quan điểm về thiên mệnh, về trời đất và con người, về nhân nghĩa và thời thế đó... là “chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam được phát triển đến đỉnh cao trong điều kiện chiến tranh nhân dân, đánh đuổi giặc Minh xâm lược, giành độc lập và xây dựng nước nhà”(82) của Nguyễn Trãi. □

(77) *Sđđ.*, tr.131.

(78) *Sđđ.*, tr.131.

(79) Nguyễn Trãi. *Ức Trai tập*, quyển hạ (4, 5, 6), *Sđđ.*, tr.535.

(80) *Sđđ.*, tr.542.

(81) *Sđđ.*, tr.555.

(82) Trần Văn Giàu. *Triết học và tư tưởng*. Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1988, tr.517.